ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2808 /QĐ-UBND	*Tuyên Quang, ngày 05 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Trí tuệ nhân tạo ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1308/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang, phiên bản 4.0;

Theo đề nghị của Công an tỉnh tại Tờ trình số 12777/TTr-CAT-QLHC ngày 06 tháng 10 năm 2026; ý kiến biểu quyết của các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với các nội dung chính như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Triển khai các nhiệm vụ tại Quyết định số 1308/QĐ-TTg theo trách nhiệm, thẩm quyền thực hiện tại địa phương, đồng thời kế thừa các nhiệm vụ đang triển khai tại Quyết định số 1371/QĐ-UBND đảm bảo phát triển dữ liệu là tài nguyên chiến lược, là nguồn lực phát triển mới của tỉnh đồng bộ, thống nhất với Chiến lược dữ liệu quốc gia.

2. Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội tham gia thu thập, xây dựng, phát triển, khai thác, sử dụng và làm giàu dữ liệu. Nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, tiên phong kết nối, chia sẻ dữ liệu.

3. Xây dựng, tạo lập dữ liệu theo hướng hiện đại, mở, liên thông, dùng chung và bền vững bảo đảm đồng bộ từ Trung ương đến địa phương và được duy trì "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung"; đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật bảo đảm liên thông dữ liệu.

4. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu các Sở, ngành, địa phương với kết quả thực hiện và hệ thống tiêu chí cụ thể để đo lường, đánh giá hiệu quả triển khai nhiệm vụ xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, quản lý, sử dụng dữ liệu trong toàn hệ thống chính trị.

5. Tập trung phát triển, quản trị và khai thác hiệu quả dữ liệu gắn với phát triển trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động, làm cơ sở hình thành các động lực tăng trưởng mới, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và tăng trưởng kinh tế hai con số.

6. Ưu tiên xây dựng hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, bảo đảm đồng bộ, làm nền tảng cho phát triển kinh tế số, xã hội số và Chính phủ số. Phát triển các nền tảng số dùng chung theo quy chuẩn thống nhất, bảo đảm dữ liệu được thu thập, kết nối, khai thác và sử dụng thống nhất.

7. Phát triển thị trường dữ liệu trở thành động lực thúc đẩy tạo lập, chia sẻ, lưu thông, khai thác và phát huy giá trị dữ liệu trong toàn bộ chuỗi giá trị dữ liệu, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

8. Quan tâm đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, làm chủ công nghệ xử lý và khai thác dữ liệu là các yếu tố quyết định để triển khai thành công Chiến lược. Ưu tiên phát triển đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực dữ liệu và tạo nền tảng vững chắc cho việc phát triển bền vững và toàn diện.

9. Phát triển dữ liệu quốc gia là chiến lược lớn của Đảng và Nhà nước, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước; vai trò chỉ đạo của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số từ Trung ương đến địa phương.

10. Phát triển dữ liệu phải đi liền với bảo đảm chủ quyền số, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân; kết hợp chặt chẽ giữa yêu cầu khai thác hiệu quả dữ liệu với yêu cầu bảo vệ dữ liệu chủ động, từ sớm, từ xa, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; đồng thời, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

II. TẦM NHÌN

Tập trung nguồn lực xây dựng, quản trị, kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả dữ liệu, đồng thời bảo đảm khả năng kết nối, liên thông, đồng bộ với hệ sinh thái dữ liệu quốc gia, góp phần đến năm 2030 hình thành hệ sinh thái dữ liệu thống nhất, hiện đại, an toàn, tin cậy, liên thông và dùng chung, trong đó dữ liệu được quản trị, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng hiệu quả, phục vụ đắc lực cho quản trị địa phương; phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, đồng thời bảo đảm chủ quyền số, an ninh dữ liệu, an toàn xã hội, hình thành năng lực tự chủ chiến lược về dữ liệu.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

1.1. Góp phần hình thành hệ sinh thái dữ liệu quốc gia thống nhất, hiện đại, an toàn, tin cậy, liên thông và dùng chung; phát triển đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kho dữ liệu, nền tảng dữ liệu và hạ tầng tính toán dùng chung theo kiến trúc thống nhất. Phát huy dữ liệu trở thành tài nguyên chiến lược, tư liệu sản xuất quan trọng và động lực mới cho quản trị quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số; đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, điện toán hiệu năng cao và các công nghệ số chiến lược trong phân tích, dự báo, hoạch định chính sách và cung cấp dịch vụ thông minh.

1.2. Góp phần phát triển kinh tế dữ liệu, công nghiệp dữ liệu và thị trường dữ liệu; từng bước tự chủ, làm chủ công nghệ, hạ tầng AI, hạ tầng tính toán hiệu năng cao, nền tảng và sản phẩm dữ liệu cốt lõi; bảo đảm an ninh, an toàn, bảo vệ dữ liệu cốt lõi, góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững trong kỷ nguyên số.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2030: gồm 58 mục tiêu. Cụ thể:

(1) Nhóm mục tiêu về hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực quản trị dữ liệu (04 mục tiêu)

- Hoàn thành việc ban hành Chiến lược dữ liệu, Khung kiến trúc dữ liệu và Khung quản trị, quản lý dữ liệu cấp tỉnh theo quy định.

- Từ điển dữ liệu của tỉnh được công bố, kết nối và tuân thủ thống nhất Từ điển dữ liệu quốc gia dùng chung.

- 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương được đánh giá, xếp hạng hằng năm về mức độ phát triển và chất lượng dữ liệu.

- 100% cơ quan, tổ chức của tỉnh thuộc diện kiểm toán dữ liệu được lập danh sách và phối hợp kiểm toán theo kế hoạch của Bộ Công an.

(2) Nhóm mục tiêu về phát triển hạ tầng dữ liệu và hạ tầng tính toán quốc gia (06 mục tiêu, trong đó kế thừa 3 mục tiêu cụ thể tại mục 2.1 Quyết định số 1371/QĐ-UBND)

- Trung tâm dữ liệu của tỉnh đáp ứng 100% tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định, đảm bảo kết nối 100% cơ sở dữ liệu, nền tảng số, hệ thống, phần mềm của tỉnh và các hạ tầng dữ liệu Quốc gia, sử dụng các công nghệ hiện đại, đáp ứng yêu cầu về quản lý và sử dụng dữ liệu lớn của tỉnh đến năm 2030; ưu tiên việc khai thác, sử dụng nền tảng, hạ tầng dùng chung quốc gia, chỉ đầu tư bổ sung phần hạ tầng của tỉnh còn thiếu khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận; không đầu tư trùng lặp với hạ tầng dùng chung quốc gia.

- Xây dựng Nền tảng điện toán đám mây của tỉnh đáp ứng 100% tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định, đảm bảo kết nối tới nền tảng điện toán đám mây của Chính phủ, sử dụng các công nghệ hiện đại, đáp ứng nhu cầu sử dụng của tỉnh đến năm 2030.

- Hệ sinh thái thiết bị giám sát, thiết bị tích hợp cảm biến (IoT - Internet of Things) trên địa bàn tỉnh đáp ứng 100% tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định, đảm bảo kết nối tới Trung tâm dữ liệu của tỉnh, đảm bảo công tác giám sát, quan trắc về môi trường, con người.

- Thực hiện việc cung cấp quyền truy cập, sử dụng tài nguyên tính toán dùng chung cho 100% các cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu và tổ chức đủ điều kiện để phục vụ xử lý dữ liệu lớn, huấn luyện và triển khai các mô hình AI.

- Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh chuyển sang sử dụng hạ tầng, nền tảng dùng chung quốc gia theo lộ trình của Bộ Công an.

- Bảo đảm 100% dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng và nền tảng số trọng yếu thuộc phạm vi quản lý của tỉnh được rà soát, xác định và thực hiện sao lưu, dự phòng theo quy định; phối hợp kết nối, đồng bộ, lưu trữ dự phòng tại Trung tâm dữ liệu quốc gia theo lộ trình và hướng dẫn của Bộ Công an, bảo đảm duy trì hoạt động liên tục, an toàn, an ninh dữ liệu và khả năng khôi phục các dịch vụ dữ liệu thiết yếu khi xảy ra sự cố, thảm họa.

(3) Nhóm mục tiêu về phát triển hạ tầng, xây dựng và nâng cấp các nền tảng, hệ thống dữ liệu (kế thừa 11 mục tiêu tại mục 2.2 Quyết định số 1371/QĐ-UBND)

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Quốc gia; tích hợp, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin qua các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia/bộ/ngành; tuân thủ Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang, phiên bản 4.0 và hướng dẫn của Chính phủ, bộ, ngành Trung ương khi có yêu cầu, theo đúng quy định, ngoại trừ các dữ liệu có tính đặc thù.

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đáp ứng 100% tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định pháp luật, đảm bảo thực hiện đủ, đúng các tiêu chí theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

- Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh đáp ứng 100% tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Quốc gia; dữ liệu đảm bảo tiêu chí "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung" để có thể sử dụng ngay bởi các hệ thống khác. 100% các lĩnh vực được khởi tạo bộ dữ liệu tại Kho dữ liệu dùng chung theo danh mục dữ liệu dùng chung của tỉnh. 100% các bộ dữ liệu quy định trong danh mục dữ liệu dùng chung được kết nối và đồng bộ thường xuyên tới Kho dữ liệu dùng chung.

- Cổng dữ liệu mở của tỉnh đáp ứng 100% tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Quốc gia, đảm bảo cung cấp đầy đủ các tính năng cho phép người dân, doanh nghiệp có thể truy cập dữ liệu một cách đơn giản, hiệu quả.

- Hệ thống báo cáo tập trung của tỉnh cung cấp đầy đủ báo cáo, thống kê về tất cả các hoạt động, lĩnh vực mà tỉnh đang quản lý, đảm bảo cập nhật kịp thời các dữ liệu quan trọng phục vụ điều hành, quản lý. Hệ thống được triển khai đến tất cả các cấp giúp giảm thiểu thời gian, công sức tổng hợp báo cáo của các đơn vị.

- Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) của tỉnh đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Quốc gia, kết nối tới các hệ thống, cơ sở dữ liệu chung của tỉnh như: Kho dữ liệu dùng chung, Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu qua LGSP, ... Dữ liệu được cập nhật kịp thời để phục vụ công tác điều hành, quản lý của tỉnh.

- Hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung (SOC), Hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Quốc gia, kết nối tới các hệ thống, cơ sở dữ liệu chung của tỉnh như: Kho dữ liệu dùng chung, Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu qua LGSP... Dữ liệu được cập nhật kịp thời để phục vụ công tác điều hành, quản lý của tỉnh.

- Xây dựng, vận hành Trung tâm điều hành giao thông tỉnh đảm bảo hoạt động ổn định, hiệu quả, đáp ứng các yêu cầu về thu thập, giám sát và phân tích dữ liệu giao thông của tỉnh, có ứng dụng các công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích dữ liệu giao thông.

- Nâng cấp, vận hành Phần mềm số hóa kết quả giải quyết TTHC, xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa kết quả giải quyết TTHC tỉnh Tuyên Quang.

- Cung cấp nền tảng trợ lý ảo thông minh tới 100% cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh để hỗ trợ các công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

- Phấn đấu từ 2027, các nguồn và công cụ thu thập dữ liệu tại cấp xã đảm bảo tự động và chuẩn hóa, như: Ứng dụng di động cho cán bộ cơ sở, hệ thống tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và tích hợp cảm biến ở những nơi cần thiết (Môi trường, giao thông,…); kết nối, tích hợp với các hệ thống thông tin của các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn (Thuế, kho bạc,…) và các hệ thống của doanh nghiệp để làm giàu kho dữ liệu của tỉnh.

(4) Nhóm mục tiêu về phát triển, khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ chính quyền số (kế thừa 12 mục tiêu tại mục 2.3 Quyết định số 1371/QĐ-UBND và có điều chỉnh, bổ sung các mục tiêu tại Quyết định 1308)

- 100% dữ liệu thuộc CSDL dùng chung và CSDL chuyên ngành của cấp tỉnh được số hóa và đưa vào sử dụng, kết nối qua LGSP vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và Trung tâm dữ liệu Quốc gia (khi có yêu cầu theo quy định).

- 100% các thủ tục hành chính (TTHC) của tỉnh được cung cấp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính phát sinh mới được số hóa và lưu trữ tại Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

- 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của tỉnh đủ điều kiện được giải quyết trên cơ sở khai thác lại dữ liệu đã có; 80% kết quả thực hiện các TTHC được tái sử dụng, chia sẻ theo quy định (ngoại trừ các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đặc thù) đảm bảo người dân và doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thực hiện các TTHC.

- 100% dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức được số hóa và lưu trữ trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Đảm bảo các dữ liệu được số hóa toàn bộ và cập nhật liên tục theo thời gian thực.

- 100% dữ liệu về hành chính tư pháp của người dân như: Lý lịch tư pháp, hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, các văn bản pháp luật, thi hành pháp luật, thi hành án, trợ giúp pháp lý, quản lý nghề luật, ... được số hóa và lưu trữ trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành, đảm bảo cập nhật ngay khi có dữ liệu mới theo lộ trình, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- 100% các bộ dữ liệu quy định trong danh mục dữ liệu dùng chung được kết nối và đồng bộ thường xuyên tới Kho dữ liệu dùng chung, đảm bảo tiêu chí đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung để có thể sử dụng ngay bởi các hệ thống khác.

- 100% dữ liệu các nhóm chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; dữ liệu báo cáo, thống kê, chỉ tiêu của các ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật được đưa lên Hệ thống báo cáo của tỉnh để phục vụ báo cáo, quản lý, điều hành toàn diện dựa trên dữ liệu.

- 100% dữ liệu về kết quả xử lý công việc của cán bộ, công chức, viên chức được tích hợp vào phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc của từng đơn vị.

- 100% các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin, nền tảng có thể được chia sẻ dữ liệu với các hệ thống nội bộ của tỉnh và với các hệ thống của Quốc gia, Bộ, ngành, địa phương khác khi có yêu cầu theo đúng quy định (ngoại trừ các dữ liệu có tính đặc thù). Tập trung kết nối, tích hợp, chia sẻ các dữ liệu hành chính của các ngành: Ngân hàng, tài chính, công thương, nông nghiệp, xây dựng, môi trường, ...

- Dữ liệu về dân cư của tỉnh được kết nối, liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác, sẵn sàng chia sẻ theo quy định.

- 100% thông tin, dữ liệu tổng hợp từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, 100% chỉ tiêu về đo lường chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, 100% các chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được kết nối, tích hợp phục vụ chỉ đạo, điều hành của tỉnh.

- Kết hợp khai thác sử dụng dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đối với 100% TTHC có đủ điều kiện cung cấp trực tuyến, nâng cao hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước và cung cấp dịch vụ công (DVC) phục vụ người dân, doanh nghiệp.

(5) Nhóm mục tiêu về phát triển, khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ kinh tế số, xã hội số (kế thừa 8 mục tiêu tại mục 2.4 Quyết định số 1371/QĐ-UBND)

- 100% dữ liệu về Nông nghiệp và Môi trường được số hóa và quản lý thông qua hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành, có thể được chia sẻ tới các cơ quan nhà nước khác để khai thác, sử dụng theo quy định.

- 100% dữ liệu về ngành Giáo dục và Đào tạo được số hóa và quản lý thông qua các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành, có thể được chia sẻ tới các cơ quan nhà nước khác để sử dụng. Dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo được sử dụng để hỗ trợ công tác quản lý, điều hành của Sở Giáo dục và Đào tạo, phòng Văn hóa - Xã hội cấp xã, đồng thời cung cấp thông tin học tập mở cho tất cả người dân. Dữ liệu về quá trình học tập suốt đời có thể được truy cập bởi người dân thông qua một ứng dụng duy nhất.

- 100% dữ liệu về ngành Y tế được số hóa và quản lý thông qua các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành, có thể được chia sẻ tới các cơ quan nhà nước khác để sử dụng. 100% người dân có thể truy cập thông tin y tế của mình trên một ứng dụng duy nhất.

- 100% dữ liệu về ngành Văn hóa, thể thao và Du lịch được số hóa và quản lý thông qua hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành, đảm bảo thông tin, hình ảnh, video về các địa điểm có thể được tiếp cận dễ dàng bởi người dân, du khách.

- 100% dữ liệu trong các lĩnh vực: Công thương, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Ngoại vụ, Dân tộc và Tôn giáo, Thanh tra, Kiểm sát, Toà án... được số hóa và quản lý thông qua các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành, có thể được chia sẻ tới các cơ quan nhà nước khác để sử dụng.

- 100% dữ liệu về Bảo hiểm xã hội, lao động, an sinh xã hội được số hóa và quản lý thông qua các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành và có thể chia sẻ tới các cơ quan nhà nước để phục vụ công tác quản lý; dữ liệu về việc làm, thị trường lao động được cập nhật thường xuyên và chia sẻ tới người dân.

- 100% dữ liệu các cơ quan Đảng; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được số hóa và quản lý thông qua các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành, có thể được chia sẻ tới các cơ quan nhà nước khác để sử dụng.

- 100% các sở, ban, ngành cung cấp dữ liệu mở, số lượng tối thiểu 01 bộ dữ liệu mở, đảm bảo cập nhật định kỳ tối thiểu 01 năm/lần và cập nhật ngay sau khi có dữ liệu phát sinh, thay đổi *(theo quy chế vận hành)*.

(6) Nhóm mục tiêu về phát triển dữ liệu và hạ tầng phục vụ trí tuệ nhân tạo (02 mục tiêu)

- 100% tập dữ liệu mở do các cơ quan tỉnh Tuyên Quang cung cấp trên Cổng dữ liệu mở quốc gia được chuẩn hóa, bảo đảm dễ tiếp cận, khai thác và sử dụng lại theo yêu cầu, hướng dẫn của cơ quan quản lý Cổng.

- 100% bộ dữ liệu thuộc Danh mục bộ dữ liệu phục vụ phát triển AI mà tỉnh có trách nhiệm tạo lập, quản lý hoặc cung cấp được cơ quan chủ quản chuẩn hóa, làm sạch, gắn nhãn, ẩn danh theo quy định và phối hợp tích hợp lên Kho dữ liệu AI quốc gia theo hướng dẫn.

(7) Nhóm mục tiêu về phát triển kinh tế dữ liệu, công nghiệp dữ liệu và thị trường dữ liệu (06 mục tiêu)

- 100% cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đảm bảo chất lượng.

- Hoàn thành việc xây dựng Danh mục dữ liệu mở và thực hiện công bố dữ liệu mở thường xuyên trên Cổng dữ liệu mở quốc gia.

- 90% di sản văn hóa, di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt được số hóa, hình thành thư viện số, di sản số và hiện diện trên môi trường số.

- 100% dữ liệu Bảo hiểm xã hội của người lao động trên địa bàn tỉnh được cập nhật đầy đủ, chính xác.

- Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh khai thác, đóng góp kho học liệu số của ngành.

- 95% dữ liệu về y tế được chuẩn hóa, tổ chức và quản lý thống nhất, phấn đấu tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử đạt 100%.

(8) Nhóm mục tiêu về phát triển nguồn nhân lực dữ liệu (03 mục tiêu)

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức có năng lực quản trị, phân tích và khai thác dữ liệu; đào tạo kỹ năng dữ liệu, phân tích dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho người lao động trên địa bàn tỉnh theo chỉ tiêu Trung ương giao.

- Cử cán bộ tham gia đào tạo chuyên gia dữ liệu nòng cốt trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục và tổ chức khoa học và công nghệ theo chỉ tiêu Bộ Công an phân bổ.

- Các cơ sở giáo dục đại học tổ chức nghiên cứu, tổ chức đào tạo các ngành/chuyên ngành về khoa học dữ liệu, quản trị dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, điện toán hiệu năng cao, an ninh dữ liệu theo nhu cầu nhân lực, điều kiện bảo đảm chất lượng, quy định của pháp luật và chỉ tiêu/định hướng của Trung ương.

(9) Nhóm mục tiêu về bảo đảm an ninh và chủ quyền dữ liệu (6 mục tiêu, trong đó kế thừa 3 mục tiêu tại mục 2.5 Quyết định số 1371/QĐ-UBND)

- Bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu của cơ quan nhà nước; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về an ninh mạng, luật cơ yếu và luật bảo vệ bí mật nhà nước cho hệ thống thông tin hiện có và xây dựng mới.

- Công tác tổ chức thẩm định, đánh giá, kiểm tra, giám sát, bảo đảm an ninh mạng cho các hệ thống thông tin phục vụ chính quyền điện tử, chính quyền số được triển khai đồng bộ, chặt chẽ, tuân thủ nghiêm quy định hiện hành, bảo đảm giám sát an toàn thông tin 24/7 cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quan trọng của tỉnh.

- Công tác đảm bảo an ninh mạng cho các hệ thống cơ sở dữ liệu tỉnh, cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành có kết nối đến các cơ sở dữ liệu Quốc gia trên địa bàn tỉnh được triển khai theo mô hình 4 lớp. Các máy chủ, máy trạm của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh phải triển khai các giải pháp, phần

mềm phòng chống mã độc tập trung và giải pháp phát hiện, phản ứng sự cố, đồng thời được kết nối, chia sẻ thông tin về Trung tâm ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam.

- Phấn đấu trên 90% hệ thống chứa dữ liệu cốt lõi của tỉnh đáp ứng tiêu chuẩn bảo vệ; 100% hệ thống đáp ứng đủ điều kiện kỹ thuật và được kết nối với Hệ thống giám sát an ninh dữ liệu quốc gia.

- 100% hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của địa phương được phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu theo quy định. 100% hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp độ 3 trở lên của địa phương được giám sát an ninh mạng và chia sẻ dữ liệu giám sát về Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam (VNCERT) để hỗ trợ ứng cứu, xử lý sự cố.

- 100% hệ thống chứa dữ liệu cốt lõi, trọng yếu được áp dụng cơ chế kiểm soát toàn bộ vòng đời dữ liệu, đồng thời áp dụng cơ chế phân quyền, ghi nhật ký và lưu vết đối với mọi hoạt động truy cập, khai thác dữ liệu.

2.2. Mục tiêu đến năm 2045 *(03 mục tiêu theo Quyết định số 1308/QĐ-TTg)*

- 100% hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, quản trị và điều hành của cơ quan Đảng, Nhà nước được hỗ trợ bởi dữ liệu; tối thiểu 90% quyết định, chính sách quan trọng không thuộc danh mục bí mật nhà nước được xây dựng, đánh giá và dự báo trên cơ sở phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, bảo đảm an ninh mạng và tuân thủ nghiêm Luật bảo vệ bí mật nhà nước.

- 100% dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp toàn trình trên môi trường điện tử; tối thiểu 90% dịch vụ công thiết yếu được cung cấp chủ động, tự động hoặc cá nhân hóa dựa trên dữ liệu; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đạt từ 99% trở lên.

- 100% dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng và nền tảng số trọng yếu được sao lưu, dự phòng theo quy định.

(Có Phụ lục I chi tiết kèm theo).

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Gồm 96 nhiệm vụ, giải pháp. Trong đó:

1. Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách: Tổng 08 nhiệm vụ, trong đó kế thừa 06 nhiệm vụ theo Quyết định số 1371/QĐ-UBND.

2. Phát triển hạ tầng, nền tảng dữ liệu của tỉnh, kết nối với hạ tầng dữ liệu quốc gia: Tổng 13 nhiệm vụ, trong đó kế thừa 10 nhiệm vụ theo Quyết định số 1371/QĐ-UBND.

3. Phát triển dữ liệu: Tổng 49 nhiệm vụ, trong đó kế thừa 43 nhiệm vụ theo Quyết định số 1371/QĐ-UBND.

4. Phát triển kinh tế dữ liệu và thị trường dữ liệu: Tổng 01 nhiệm vụ.

5. Phát triển nguồn nhân lực dữ liệu: Tổng 06 nhiệm vụ, trong đó kế thừa 02 nhiệm vụ theo Quyết định số 1371/QĐ-UBND.

6. Bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu và chủ quyền dữ liệu: Tổng 11 nhiệm vụ, trong đó kế thừa 08 nhiệm vụ theo Quyết định số 1371/QĐ-UBND.

7. Khai thác dữ liệu, ứng dụng cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia: Tổng 08 nhiệm vụ, trong đó kế thừa 04 nhiệm vụ theo Quyết định số 1371/QĐ-UBND.

(Có Phụ lục II chi tiết kèm theo).

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Kinh phí thực hiện Chiến lược dữ liệu được lồng ghép trong các chương trình, đề án, dự án có liên quan và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

3. Khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp khác từ xã hội, doanh nghiệp, hợp tác công - tư và hợp tác quốc tế để triển khai Chiến lược dữ liệu theo quy định của pháp luật.

4. Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Chiến lược dữ liệu bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật.

5. Đối với các cơ quan, đơn vị có hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đặc thù về quốc phòng, an ninh, việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách đặc thù của lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

6. Hằng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương lập nhu cầu kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao, gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp; Sở Tài chính thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí theo khả năng cân đối ngân sách.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh; Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ chỉ

đạo triển khai các nhiệm vụ tại Quyết định này; phối hợp với Công an tỉnh cung cấp thông tin, kết quả thực hiện phục vụ công tác tổng hợp, báo cáo Bộ Công an, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương

2.1. Quán triệt, tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, Nhân dân về Quyết định số 1308/QĐ-TTg ngày 18/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định này và các văn bản có liên quan về dữ liệu. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc phát sinh nội dung cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Công an tỉnh tổng hợp (đồng gửi Sở Khoa học và Công nghệ), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giải quyết.

2.2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chủ động lồng ghép nội dung của Quyết định này vào chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương; bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, đúng quy định; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

2.3. Bố trí nguồn lực, kiện toàn đầu mối, lực lượng chuyên trách về dữ liệu; tổ chức triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh mạng, an toàn dữ liệu đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

2.4. Rà soát, đánh giá toàn diện các cơ sở dữ liệu đã xây dựng, đang xây dựng, cần xây dựng mới, bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi dữ liệu đối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành do các Bộ, ngành xây dựng, bảo đảm khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, khung kiến trúc dữ liệu, từ điển dữ liệu dùng chung.

2.5. Tổ chức tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu thông qua Trung tâm dữ liệu quốc gia và Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia theo quy định.

2.6. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc cập nhật Cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

2.7. Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành ở Trung ương thực hiện các nhiệm vụ được giao, bảo đảm tiến độ, chất lượng và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

2.8. Hằng năm rà soát, dự kiến nguồn kinh phí để triển khai thực hiện gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp chung.

2.9. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định này lồng ghép cùng với báo cáo định kỳ Đề án 06 *(qua Công an tỉnh để theo dõi, tổng hợp chung)*. Nội dung báo cáo phải ngắn gọn, rõ số liệu, rõ kết quả, rõ khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ hoặc kiến nghị xử lý (nếu có).

3. Công an tỉnh

3.1. Là cơ quan thường trực tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao tại Quyết định này; kịp thời hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai, thực hiện; đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; dự thảo văn bản chấn chỉnh, phê bình hoặc xem xét điều chỉnh, bổ sung các nội dung phù hợp với tình hình thực tế địa phương (nếu có); kết quả báo cáo Bộ Công an, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3.2. Thực hiện kiểm tra, đôn đốc kết quả triển khai thực hiện các cơ quan, đơn vị. Sơ kết hằng năm; đánh giá giữa kỳ vào năm 2028, tổng kết vào năm 2030, báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công an.

3.3. Đánh giá, xếp hạng hằng năm mức độ phát triển và chất lượng dữ liệu của cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; phối hợp tổ chức kiểm toán dữ liệu theo quy định của pháp luật.

3.4. Triển khai các giải pháp công nghệ để theo dõi, thống kê, đo lường, giám sát, đánh giá được các mục tiêu, kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chiến lược trên môi trường số, bảo đảm tự động tối đa, kịp thời, công khai, minh bạch.

3.5. Triển khai các giải pháp giám sát, điều hành, phát hiện, cảnh báo và ứng cứu sự cố đối với hạ tầng số quan trọng, nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin thiết yếu và bảo vệ dữ liệu theo nhiệm vụ được giao theo hướng dẫn của Bộ Công an.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

4.1. Chủ trì vận hành Trung tâm dữ liệu tỉnh, Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, Kho dữ liệu dùng chung, Cổng dữ liệu mở của tỉnh; các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục II kèm Quyết định này. Phối hợp Công an tỉnh kết nối, đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia.

4.2. Chủ trì việc tham mưu cập nhật Chiến lược dữ liệu của địa phương, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Chiến lược quốc gia.

4.3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chủ động thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý được giao tại Quyết định này, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

4.4. Tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

5.1. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn các Sở, Ban, ngành, địa phương thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, đơn giản hóa TTHC trong các cơ quan nhà nước thông qua kế thừa, sử dụng dữ liệu số.

5.2. Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC và tổ chức lưu trữ, khai thác dữ liệu đã số hóa để phục vụ thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

5.3. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với các hệ thống khác, sẵn sàng tiến hành chia sẻ dữ liệu khi có yêu cầu theo đúng quy định của pháp luật.

6. Sở Nội vụ

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chủ động phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu tổ chức các lớp bồi dưỡng về dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức; phối hợp kiện toàn đầu mối, lực lượng chuyên trách về dữ liệu và chuyển đổi số tại địa phương.

7. Sở Tài chính

Căn cứ vào khả năng nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định này theo phân cấp ngân sách hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Báo và Phát thanh, Truyền hình Tuyên Quang

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường triển khai các giải pháp, đảm bảo thông tin, tuyên truyền đến mọi tầng lớp Nhân dân về Chiến lược dữ liệu tỉnh; vai trò, vị trí, tầm quan trọng của Chiến lược, từ đó chung tay tạo lập, phát triển phục vụ khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

9. Trường Đại học Tân Trào, Trường Cao đẳng Tuyên Quang và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh

Thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ theo chức năng, thẩm quyền, trong đó tập trung: (i) Nghiên cứu, phát triển và chuyển giao các giải pháp về dữ liệu, trí tuệ nhân tạo; (ii) Phối hợp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng dữ liệu và kỹ năng số; (iii) Xây dựng, khai thác, chia sẻ học liệu số và dữ liệu phục vụ đào tạo, nghiên cứu theo quy định; (iv) Bảo đảm an ninh, an toàn và bảo vệ dữ liệu trong phạm vi quản lý.

10. Hiệp hội Doanh nghiệp, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hiệp hội Du lịch, Hội doanh nhân trẻ tỉnh Tuyên Quang

10.1. Chủ động tham gia thực hiện thông qua đầu tư, nghiên cứu, phát triển, cung cấp sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu và các hoạt động hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

10.2. Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc triển khai các chương trình, đề án, nhiệm vụ, dự án thuộc Chiến lược dữ liệu; tham gia góp ý, phản biện, đề xuất sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Chiến lược.

10.3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, an ninh mạng, an toàn thông tin mạng và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình tham gia thực hiện Chiến lược.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt "Chiến lược dữ liệu tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030". Các mục tiêu, nhiệm vụ của Quyết định số 1371/QĐ-UBND chưa hoàn thành được rà soát, cập nhật và tích hợp vào Quyết định này để tiếp tục thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an; Bộ KH&CN;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các TCCT-XH tỉnh;
- VP Tỉnh ủy;
- VP ĐĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Báo&PTTHTQ;
- UBND xã, phường;
- Trường Đại học Tân Trào; Trường Cao đẳng TQ; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hiệp hội Du lịch, Hội doanh nhân trẻ tỉnh Tuyên Quang;
- TTTTHN; TTPVHCC tỉnh;
- PKH&CĐS (đ/c Hiếu);
- Lưu: VT, KH&CĐS (Huyền).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Đỗ Hùng Đức